TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/KDTM-ST
Ngày: 05/05/2026
"V/v tranh chấp chậm thực hiện nghĩa vụ Trong Hợp đồng mua bán hàng hoá".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Đồng Thị Bình.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Ngọc Phượng và ông Đặng Văn Vũ.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Phạm Hữu Công - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi tham gia phiên toà:* Bà Hoàng Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 05/5/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2026/TLST-KDTM ngày 07 tháng 01 năm 2026 về việc *"Tranh chấp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán hàng hoá",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2026/QĐST- KDTM ngày 24/3/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2026/QĐST- KDTM ngày 15/4/2026 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Công ty cổ phần X; Địa chỉ trụ sở: F Hồ X, phường K, Quận N, thành phố Đà Nẵng. (nay là phường N, thành phố Đà Nẵng); Đại diện theo pháp luật ông Đỗ Đình D – Chức vụ: Tổng giám đốc;

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị Minh K, sinh năm 1984; Địa chỉ; Số E T, Phường H, Thành phố Đà Nẵng; *(có đơn xin xét xử vắng mặt).*

- ***Bị đơn:*** Công ty TNHH M; *(trước đây là công ty TNHH H)*; Địa chỉ trụ sở: nhà gỗ, đường Q, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn T - Chức vụ: Giám đốc; *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2025 của Công ty cổ phần X, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại đơn trình bày ngày 28/4/2026 nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 02/01/2024 giữa Công ty Cổ phần X (viết tắt là công ty X) với công ty TNHH H *(nay đổi tên Công ty TNHH M)* có ký kết Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 07/2024/TK-HT về việc cung cấp sắt thép cho các dự án công trình.

Căn cứ báo giá kiêm xác nhận đặt hàng Công ty X đã giao hàng đầy đủ, thời hạn thanh toán là 30 ngày kể từ ngày giao hàng nhưng đến ngày 30/11/2025 công ty M đã quá hạn thanh toán là 537 ngày nhưng vẫn chưa thanh toán số tiền hàng còn nợ, cụ thể:

- Ngày 13/5/2025 nợ số tiền 634.363.968 đồng; ngày 20/5/2024 nợ số tiền 876.923.916 đồng; cùng ngày 20/5/2024 nợ số tiền 111.524.160 đồng và ngày 24/5/2024 nợ số tiền 362.770.721 đồng; Tổng số tiền gốc công ty M còn nợ công ty X là 1.985.582.765 đồng.

Công ty X đã nhiền lần liên hệ điện thoại, zalo, mail, công văn nhắc nợ, thậm chí đến nhà riêng của người đại diện theo pháp luật là ông Vũ Văn T để trao đổi nhưng ông T đều trốn tránh không gặp, hứa hẹn nhưng đến nay vẫn không thanh toán số tiền như đã thoả thuận.

Xét thấy Công ty TNHH M không có phương án trả nợ, làm ảnh hưởng, gây thiệt hại đến hoạt động kinh doanh cho công ty X.

Đề nghị Toà án xem xét giải quyết buộc công ty TNHH M trả số tiền nợ mua hàng là 1.985.582.765 đồng *(Một tỷ, chín trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm sáu mươi lăm đồng)*. Đồng thời tại đơn khởi kiện Công ty có yêu cầu thanh toán mức lãi suất quá hạn theo mức lãi suất cho vay của ngân hàng B tại thời điểm chậm trả với mức 10%/năm, nay Công ty xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đề nghị tính lãi suất chậm thanh toán của số tiền mua hàng theo thời hạn thoả thuận thanh toán tại hợp đồng mua bán hàng hoá hai bên đã ký kết theo mức lãi suất quy định là 10%/năm đối với số tiền mua hàng mà bên bị đơn phải trả theo tầng đợt thanh toán theo hoá đơn, tuy nhiên Công ty chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán theo thời hạn của hoá đơn giá trị gia tăng sau cùng ngày 24/5/2024 và sau 30 ngày là bắt đầu tính lãi suất chậm trả ngày 25/6/2025 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 680 ngày tương ứng với 369.916.789 đồng. Do đó, Công ty Cổ phần X khởi kiện Công ty TNHH M phải thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán hàng hoá đã ký kết với Công ty buộc trả tiền mua hàng hoá 1.985.582.765 đồng, tiền lãi chậm trả 369.916.789 đồng.

- Bị đơn công ty TNHH H *(nay là Công ty TNHH M)* đã được Tòa án tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng hợp lệ như thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên hòa giải nhưng công ty không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau***:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; Trong quá trình giải quyết

vụ án và tại phiên tòa bị đơn công ty TNHH M đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng, đề nghị xin vắng mặt.

Về nội dung vụ án: *Căn cứ Điều 30; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.*

Áp dụng các Điều Điều 117; Điều 118; 440; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 24, 34, 50, 55 , 297 và Điều 306 Luật thương mại.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty cổ phần X đề ngày 30/11/2025.

Buộc Công ty TNHH M phải trả cho Công ty cổ phần X số tiền tính đến ngày 05/5/2026 là 2.355.499.554 *(Hai tỷ, ba trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi mươi chín nghìn, năm trăm năm mươi tư đồng)*. Trong đó nợ gốc: 1.985.582.765 đồng, lãi 369.916.789 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty cổ phần X khởi kiện yêu cầu công ty TNHH M có địa chỉ trụ sở tại Nhà gỗ, đường Q, Phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi; trả số tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng mua bán hàng hoá đã ký kết. Căn khoản 1 Điều 30, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi.

Công ty TNHH M đã được Tòa án tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của vụ án nhưng vẫn vắng mặt, như vậy bị đơn Công ty M đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn, theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Giữa Công ty cổ phần X với công ty TNHH M có ký kết hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 07/2024/TK-HT, ngày 02/01/2024 về việc cung cấp sắt thép cho các dự án công trình.

Trên cơ sở hợp đồng nêu trên Công ty X đã thực hiện việc giao nhận hàng cho công ty TNHH M cụ thể:

Theo bảng báo giá số 44, ngày 11/5/2024, biên bản giao nhận hàng số 20/2024, ngày 12/5/2024; Hoá đơn số 664 ngày 13/5/2024, với số tiền nợ: 634.363.968 đồng;

Theo bảng báo giá số 45 ngày 14/5/2024, biên bản giao nhận hàng số 21/2024 ngày 15/5/2024 và Hoá đơn số 710 ngày 20/5/2024 với số tiền nợ: 876.923.916 đồng; Theo bảng báo giá số 46 ngày 15/5/2024, biên bản giao nhận

hàng số 22/2024 ngày 17/5/2024, Hoá đơn số 711 ngày 20/5/2024, với số tiền nợ: 111.524.160 đồng; Theo bảng báo giá số 47 ngày 20/5/2024, biên bản giao nhận hàng số 23/2024 ngày 23/5/2024, Hoá đơn số 738 ngày 24/5/2024 với số tiền nợ: 362.770.721 đồng;

Như vậy Công ty cổ phần X đã thực hiện việc chuyển giao hàng hoá cho công ty TNHH M theo đúng như hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 07/2024/TK-HT, ngày 02/01/2024. Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá được ký kết cơ sở tự nguyện, không có sự lừa dối, ép buộc; về chủ thể ký kết, mục đích và nội dung, hình thức của hợp đồng tuân thủ theo các quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực thi hành đối với các bên. Nguyên đơn đã giao hàng đầy đủ cho bị đơn theo thoả thuận tại hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 07/2024/TK-HT, ngày 02/01/2024. Công ty TNHH M sau khi được bàn giao hàng đầy đủ đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ gốc theo thoả thuận trong Hợp đồng nên đã vi phạm Điều 3 của hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 07/2024/TK-HT, ngày 02/01/2024, Điều 440 của Bộ luật dân sự, điều 50 Luật Thương mại.

Do vậy, Công ty cổ phần X khởi kiện yêu cầu công ty TNHH M phải trả số tiền mà công ty M chưa thanh toán theo hợp đồng và các biên bản giao nhận hàng hoá, hoá đơn bán hàng là có cơ sở để chấp nhận.

- *Về tiền lãi*: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu tính từ 12/6/2024 và tính 10%/năm theo mức lãi suất chậm thanh toán cho vay của ngân hàng B . Tại văn bản trình bày ngày 28/4/2026 nguyên đơn đề nghị thay đổi mức lãi suất từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả tiền là ngày 25/6/2024 đến ngày xét xử 05/5/2026 là 680 ngày, với mức lãi suất 10%/ năm đối với số tiền nợ mua hàng hoá mà bị đơn chưa thanh toán là 369.916.789 đồng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu tính lãi của nguyên đơn phù hợp với quy định pháp luật, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và phù hợp quy định pháp luật về yêu cầu tính lãi suất, do vậy căn cứ khoản 3 Điều 440, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, Điều 306 Luật thương mại nên cần được chấp nhận đối với yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn.

Từ phân tích trên, HĐXX xét thấy đơn khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn trả tiền mua hàng hoá cả gốc và lãi cho nguyên đơn là 2.355.499.554 đồng.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể: 72.000.000+{2%x355.499.554 }= 79.109.991đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều Điều 117; Điều 118; 440; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 24, 34, 50, 55 , 297 và Điều 306 Luật thương mại.

1. Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty cổ phần X đề ngày 30/11/2025.

Buộc Công ty TNHH M phải trả cho Công ty cổ phần X số tiền tính đến ngày 05/5/2026 là 2.355.499.554 *(Hai tỷ, ba trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, năm trăm năm mươi tư đồng)*. Trong đó nợ gốc: 1.985.582.765 đồng, lãi 369.916.789 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Áp dụng các Điều 144 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công ty TNHH M phải chịu 79.109.991 đồng *(Bảy mươi chín triệu, một trăm lẻ chín nghìn, chín trăm chín mươi mốt đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần X số tiền đã nộp tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 38.751.169 đồng theo biên lai thu tiền số 0000018 ngày 05/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/5/2026), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để xin xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV 7 – Quảng Ngãi;
- Phòng THADS KV 7 – Quảng Ngãi
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đồng Thị Bình